

Dấu ấn bài thơ Đường “Phong kiều dạ bạc” của Trương Kế trong một số tác phẩm văn học Việt Nam

Hồ Thị Thúy Ngọc

Khoa Tiếng Việt - Trường Đại học Hà Tĩnh

Received: 12/11/2023; Accepted: 19/11/2023; Published: 24/11/2023

Abstract: This article originates from a sentiment of famous Tang poetry “Night Mooring at Maple Bridge” of Zhang Ji (a Tang poet, China) to link and compare the similarities and differences some unique artistic features of this poem to the two well-known poetries of Ho Chi Minh, entitle “Evening” and “Full moon in January” as well as a note of Hoang Phu Ngoc Tuong namely “Who named the river?”.

Keywords: Poem “A Night-mooring near Maple Bridge”, “Late Afternoon”, “Full Moon in January”, memoir “Who named the river?”, similarities, differences, etc.

1. Đặt vấn đề

Trong gần 5 vạn bài thơ Đường nổi tiếng, bài thơ “Phong Kiều dạ bạc” của Trương Kế - một nhà thơ tiêu biểu ở đời Đường, Trung Quốc đã được phong là “bài tuyệt cú truyền tụng xưa nay” (thiên cổ truyền tụng đích tuyệt cú danh thiên) [1]. Tác giả Nguyễn Công Lý khẳng định, “Phong Kiều dạ bạc” là một thi phẩm kiệt tác không chỉ của văn học Trung Quốc đời Đường mà còn là của cả vùng văn học Đông Á” [2]. Ở Việt Nam đã có rất nhiều tài liệu khám phá giá trị của bài thơ ở nhiều phương diện, tác giả bài viết có bài “Vài cảm nhận về bài thơ Phong Kiều dạ bạc của Trương Kế” đăng ở Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống [3]. Tuy nhiên, trong quá trình giảng dạy, chúng tôi nhận thấy có một vài nét nghệ thuật đặc sắc của bài thơ đã được Hồ Chí Minh vận dụng trong hai thi phẩm “Chiều tối” và “Rằm tháng giêng”; Hoàng Phủ Ngọc Tường vận dụng trong bút kí “Ai đã đặt tên cho dòng sông?” gợi mở nhiều điều thú vị cho người đọc. Vì vậy trong bài viết này, trên tinh thần tiếp thu, kế thừa những tài liệu đã tham khảo của các nhà nghiên cứu, phê bình văn học, chúng tôi xuất phát từ những cảm nhận bài thơ “Phong Kiều dạ bạc” của Trương Kế để phân tích những điểm tương đồng và khác biệt qua một vài nét nghệ thuật đặc sắc (từ ngữ, hình ảnh, chi tiết, thủ pháp nghệ thuật...) của bài thơ đã được các nhà thơ, nhà văn tiêu biểu của Việt Nam vận dụng sáng tạo trong tác phẩm của mình. Qua đó thấy được sự ảnh hưởng của thơ Đường và sự sáng tạo tài hoa của các tác gia Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cảm nhận bài thơ “Phong Kiều dạ bạc”

Để cảm nhận được tận cùng cái hay, cái tình ý sâu xa của một bài thơ cô đọng, hàm súc như “Phong

Kiều dạ bạc” [4] quả là không dễ một chút nào. Nhưng đối với ai đã từng thưởng thức hẳn tâm hồn không thể không vương vấn, xao động trước những xúc cảm về tình lữ thứ, về sự giao cảm giữa con người với thiên nhiên, vũ trụ.

Phiên âm Hán - Việt:

Phong Kiều dạ bạc

Nguyệt lạc, ô đề, sương mãn thiên,

Giang phong, ngư hỏa, đối sầm miên.

Cô Tô thành ngoại Hàn San tự,

Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.

Dịch nghĩa

Đêm đỗ thuyền ở bến Phong Kiều

Trăng lặn, quạ kêu, sương phủ đầy trời.

Hàng phong bên sông, ngọn đèn thuyền chài ở trước người đang ngủ buồn.

Ngoài thành Cô Tô là chùa Hàn San,

Tiếng chuông lúc nửa đêm vẳng đến thuyền khách.

Dịch thơ

Trăng tà, chiếc quạ, kêu sương,

Lửa chài cây bên, sầm vương giấc hồ.

Thuyền ai đậu bến Cô Tô,

Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San.

(Bản dịch thơ của Tản Đà)

Nhà thơ đã dựng lên một không gian trữ tình, thời gian trữ tình và tâm lí trữ tình (tình cảm người xa xứ). Thế giới nội tâm của người lữ khách trong đêm đỗ thuyền ở bến Phong Kiều cứ dần dần hiện hữu trong thời gian không gian ấy. Mỗi sự vật, hình ảnh, âm thanh... ở đây như có hồn và rất giàu sức gợi: từ cái này mà cảm nhận được cái kia. Tất cả đã tạo nên một sự hô ứng, cộng hưởng giữa tình và cảnh thật tinh tế, sâu sắc. Từ cây phong thấp thoáng ven

sông mà gọi lên được khí thu, tình thu man mác. Từ không gian sông nước đêm khuya mà khơi gợi bao niềm xúc cảm. Từ ánh lửa nhỏ của đèn chài từ xa mà gọi ra thời gian, không gian của ngoại cảnh và cả tâm cảnh. Với ngọn lửa chài trong đêm, nhà thơ đã sử dụng thủ pháp nghệ thuật lấy ánh sáng để miêu tả không gian đêm tối và tâm trạng lữ khách thật tài tình. Thủ pháp nghệ thuật này đã được Hồ Chí Minh vận dụng một cách sáng tạo trong bài “Mộ” (Chiều tối), sẽ được phân tích kỹ ở phần sau. Chọn thời điểm trữ tình đêm thu, “Phong Kiều dạ bạc” thực sự trở về với mạch tâm tư sâu kín nhất của nhân vật trữ tình. Bởi đây chính là khoảng thời gian dễ đánh thức trong lòng khách tha phương những nỗi u hoài. Từ thời gian trữ tình này lại mở ra một không gian trữ tình. Không gian được tác giả xây dựng bằng bút pháp chấm phá theo nghệ thuật phối cảnh cao-thấp, xa-gần, rộng-hẹp...và cuối cùng hội tụ ở bức tranh tâm cảnh. Không gian ở đây chìm trong mộng lung, hư ảo vừa như thực lại vừa như hư bởi tiếng quạ kêu thảng thốt trong đêm khuya giữa lúc trăng lặn sương rơi, hàng cây phong man mác khí thu, tình thu, ánh lửa đèn nhà chài lập lòe, giấc ngủ chập chờn... Cái hư ảo, mộng lung này dường như đã có “độ nhoè” của tâm trạng, thể hiện được sâu sắc cái rất thật của tâm trạng. Đó là nỗi buồn sâu thẳm của người xa xứ trước cảnh sông nước bao la và vũ trụ không cùng. Nó được khắc sâu bởi nghệ thuật đối lập giữa con thuyền nhỏ bé và sông nước mênh mang. Người đọc còn nhận ra một thế giới nội tâm đang trăn trở, thao thức với bao nỗi niềm thâm kín khiến cho nỗi buồn cứ trĩu nặng sau mỗi cảnh vật, hình ảnh, âm thanh... Nếu không có sự thao thức, trăn trở làm sao có “sầu vương giấc hòe”, làm sao nhà thơ nghe rõ được những biến chuyển của thời gian, không gian tinh tế đến vậy? Tiếng quạ kêu thảng thốt, tiếng chuông chùa buông giữa thình không là điểm tựa để cảm nhận rõ hơn độ sâu của thời gian, độ tĩnh lặng của không gian và càng tô đậm thêm cái xao động của tâm hồn lữ khách.

Bài thơ kết thúc nhưng mở ra thế giới cảm xúc mênh mang, sâu lắng: vừa có cái bằng bạc của trăng tàn, cái lạnh lẽo của sương đêm, cái man mác của sông nước, cái da diết của khí thu, tình thu, cái hiu hắt của ánh lửa đèn chài và cả cái xa xăm vang vọng của tiếng chuông chùa vẫn còn lan toả đến không cùng như tiếng đồng vọng của nỗi lòng đã neo vào lòng người vời vợi tình lữ thứ...

2.2. Dấu ấn bài thơ “Phong Kiều dạ bạc” của

Trương Kế trong một số tác phẩm văn học Việt Nam

Trong giới hạn bài viết này, chúng tôi chỉ tìm hiểu dấu ấn bài thơ “Phong Kiều dạ bạc” của Trương Kế trong một số tác phẩm tiêu biểu của nền văn học Việt Nam hiện đại như: Bài thơ “Mộ” (“Chiều tối”), “Nguyên tiêu” (Rằm tháng giêng) của Hồ Chí Minh và bút kí “Ai đã đặt tên cho dòng sông?” của nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường.

- Người đọc ít nhiều cảm nhận được dấu ấn của “Phong Kiều dạ bạc” trong bài thơ “Mộ” (Chiều tối) [5] - một thi phẩm tiêu biểu của tập “Nhật kí trong tù”.

Phiên âm

Mộ

Quyện điều quy lâm tầm túc thụ,
Cô vân mạn mạn độ thiên không.
Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,
Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng.

Dịch thơ

Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không
Cô em xóm núi xay ngô tối
Xay hết lò than đã rực hồng
(Bản dịch của Nam Trân)

Đây là một trong những thi phẩm tiêu biểu rút từ tập thơ “Nhật kí trong tù”, tập thơ được sáng tác khi tác giả bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam (từ tháng 8/1942 – 9/1943) tại tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Cảm hứng bài thơ được gợi lên từ cuộc chuyển lao của Hồ Chí Minh từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo. Trong nguyên bản bài “Mộ”, sự dịch chuyển về thời gian không được biểu hiện trực tiếp bằng từ ngữ chỉ thời gian. Người đọc cảm nhận được thời gian trôi dần theo cánh chim bay về rừng, theo chòm mây trôi chậm chậm, theo vòng quay của cái cối xay ngô và dừng lại ở bếp lửa rực hồng. Rất tiếc bản dịch thơ: “Cô em xóm núi xay ngô tối”, đã thêm chữ “tối” vào đã làm cho ý thơ lộ, mất đi ý tại ngôn ngoại trong bài thơ chữ Hán này. Cái tài của nhà thơ - chiến sĩ Hồ Chí Minh là trong nguyên bản của bài thơ không có chữ “tối” nhưng người đọc vẫn cảm nhận được thời gian, không gian qua hình ảnh bếp lửa hồng. Đây là nghệ thuật “vẽ mây nảy trăng”, dùng ánh sáng để diễn tả thời gian, không gian. Với hình ảnh lò than rực hồng nổi bật, rực sáng, ấm áp đã cho thấy sự dịch chuyển của thời gian từ chiều muộn sang tối. Hơn thế nữa, còn mở ra trong cảm nhận của người đọc không gian vào đêm ở miền sơn cước. Đặc biệt còn cho thấy sự vận động của mạch thơ từ buồn sang vui, từ lạnh lẽo, cô đơn sang ấm nóng tình người; cũng

là sự vận động của tư tưởng, hình tượng thơ Hồ Chí Minh, toát lên vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ cộng sản lạc quan, yêu đời, luôn hướng về sự sống và ánh sáng, tin tưởng vào tương lai của dù trong bất cứ hoàn cảnh nào. Điều dùng thủ pháp lấy ánh sáng diễn tả thời gian, không gian ban đêm (Không gian bao trùm bóng tối mới nhìn thấy rõ được ánh lửa), song thật khác về ý nghĩa trong thơ Bác và thơ Trương Kế. Đối lập với ánh lửa hồng ấm áp trong “Chiều tối”, ánh lửa đèn chài le lói, lập lờ của nhà chài xuất hiện giữa không gian rộng lớn của sông nước trong bài thơ “Phong Kiều dạ bạc” như càng khơi gợi sự cô đơn, buồn bã đến nao lòng của lữ khách. Vì vậy, bài thơ “Chiều tối” của Bác phảng phất nét Đường thi nhưng vẫn toát lên vẻ đẹp hiện đại của một hồn thơ cách mạng mang tinh thần thép của một chiến sĩ giàu lòng yêu nước, thương dân.

- Đọc thi phẩm “Phong Kiều dạ bạc” của Trương Kế chắc hẳn trong tâm trí chúng ta lại liên tưởng tới thi phẩm “Nguyên tiêu” (Rằm tháng giêng) [6] của Hồ Chí Minh.

Phiên âm

Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên,

Xuân giang xuân thủy tiếp xuân thiên.

Yên ba thâm xứ đàm quân sự,

Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.

Dịch thơ

Rằm xuân lồng lộng trăng soi,

Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân.

Giữa dòng bàn bạc việc quân,

Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền.

(Nhà thơ Xuân Thủy dịch)

Chủ tịch Hồ Chí Minh viết bài thơ “Nguyên tiêu” năm 1948, giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Chúng ta thấy bài thơ của Bác và của Trương Kế có nét tương đồng: đều làm theo thể thất ngôn tứ tuyệt, đều xuất hiện những hình ảnh quen thuộc: dòng sông, ánh trăng khuya, con thuyền trên sông nước giữa đêm khuya thanh vắng. Tuy nhiên, “Phong Kiều dạ bạc” sử dụng âm thanh như tiếng quạ kêu, tiếng chuông chùa và các hình ảnh trăng tà, sương giăng đầy mặt sông, lửa chài le lói, sầu vương giắc hồ... càng làm tăng thêm tâm trạng buồn bã, cô đơn với bao nỗi niềm sâu kín của nhà thơ Trương Kế giữa bến sông trăng. Cũng dòng sông, con đò, ánh trăng đêm, người thi sĩ - chiến sĩ cách mạng lại nhìn cảnh vật vui tươi, tràn đầy sức sống. Trong tác phẩm “Nguyên tiêu” một bức tranh sông nước giữa đêm rằm tháng giêng tuyệt đẹp: trăng ở độ tròn nhất,

đẹp nhất (nguyệt chính viên); điệp từ “xuân” ba lần liên tiếp trong một câu thơ (Xuân giang, xuân thủy tiếp xuân thiên) khiến cho sông xuân, nước xuân, trời xuân hòa lẫn vào nhau tràn ngập sắc xuân. Cảnh tĩnh lặng nhưng không buồn như trong thơ Trương Kế mà vô cùng nên thơ, lãng mạn, phơi phới lòng lạc quan, yêu đời, yêu thiên nhiên sông nước đến kì lạ của nhà thơ cách mạng. Nó mang đến cho ta bức chân dung tinh thần của Hồ Chí Minh – một cái tôi trữ tình dạt dào cảm xúc mà vẫn đầy chất “thép”. Bài thơ đậm sắc thái nghệ thuật cổ điển mà hiện đại tiêu biểu cho phong cách thơ của Bác. Chính vì vậy, trong sáng tác của Hồ Chí Minh người đọc ít nhiều cảm nhận được dấu ấn của Đường thi song đã được Việt hoá một cách nhuần nhị theo cách riêng vừa quen vừa lạ.

3. Kết luận

Như vậy, qua sự gặp gỡ giữa bài thơ Đường “Phong Kiều dạ bạc” của Trương Kế với một số tác phẩm văn học Việt Nam vừa cho thấy những nét tương đồng, vừa thấy sự khác biệt bởi hoàn cảnh sống, môi trường văn hóa, phong cách nghệ thuật, tài năng văn chương... đã tạo nên vẻ đẹp độc đáo trong mỗi tác phẩm. Dấu ấn bài thơ “Phong Kiều dạ bạc” của Trương Kế trong một số tác phẩm văn học Việt Nam, đã khẳng định một điều có thể học tập, tiếp thu tinh hoa văn học nhân loại nhưng các tác gia Việt Nam đã không sao chép, mô phỏng mà vận dụng thi liệu Đường thi theo những cách độc đáo riêng, tạo ấn tượng sâu đậm trong tâm trí người đọc những liên tưởng thú vị lấp lánh vẻ đẹp hài hoà giữa màu sắc cổ điển và màu sắc hiện đại.

Tài liệu tham khảo

1. <https://www.giaoduc.edu.vn/ly-giai-bai-phong-kieu-da-bac>.
2. <https://m.khxnvnghen.gov.vn/?chitiet=2144&ve-bai-tho-phong-kieu-da-bac-cua-truong-ke-va-nhung-giai-thoai-thu-vi-lien-quan.html>
3. Hồ Thúy Ngọc (2003), “Một vài cảm nhận về bài thơ Phong Kiều dạ bạc của Trương Kế”, Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống (số 12), 22-23.
4. Nam Trân (tuyển chọn) (1987), Thơ Đường, Tập 1 và 2, NXB Văn học, Hà Nội.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Ngữ văn 11, Tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội.
6. Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh (2005), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), Ngữ văn 12, Tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội.